TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29/8/2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa

Bà Lường Thị Huyền

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ph, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2023, các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Vũ Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/3/2007. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, luôn sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 25/10/2012 và cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 11/6/2015. Chị Th xin được trực tiếp cả hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 1.500.000đ/cháu/01 tháng, cả hai cháu là 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc. Tòa án về tại địa phương xã Xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để làm việc trực tiếp với anh L, nhưng do anh L vắng mặt nên Tòa án không làm việc trực tiếp được với anh L, anh L cũng không trình bày quan điểm, ý kiến của mình với Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 11/7/2023, cháu Vũ Thị Khánh L xin được ở với mẹ. Cháu Vũ Trọng Kh bị bại não nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai hay ý kiến của cháu về việc ở với bố hay với mẹ.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi chị Th và anh L sinh sống ngày 19/7/2023 thể hiện: Chị Lê Thị Th và anh Vũ Văn L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X năm 2007 và có hai con chung là cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 25/10/2012 (cháu Kh bị bại não, hiện nằm 1 chỗ) và cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 11/6/2015. Quá trình chung sống tại địa phương, giữa anh L và chị Th có sảy ra mâu thuẫn cãi vã mâu thuẫn, theo báo cáo của chị Th thì ban thôn và công an viên đã có đến giải quyết. Hiện chị Th đã đưa hai cháu ra ở riêng, anh L, chị Th đã sống ly thân, anh L sống một mình, không ở cùng bố mẹ và người thân. Bố đẻ anh L bị bệnh tai biến, mẹ đẻ anh L thường xuyên đau ốm. Anh L hiện làm nghề thợ xây tại địa phương và khu vực lân cận, sáng đi tối về.

Do Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng đến anh L nên đã thông qua đại diện thôn (ông Nguyễn Văn V – trưởng thôn) để tống đạt văn bản tố tụng cho anh L theo quy định của pháp luật. Ngày 25/8/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh việc tống đạt văn bản tố tụng đến anh L, ông Nguyễn Văn V cam đoan: Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Việt đã giao ngay đến anh L đúng theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn L. Về con: Đề nghị giao cả hai cháu Vũ Trọng Kh và Vũ Thị Khánh L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th 1.500.000đ/cháu/tháng (hai cháu là 3.000.000đ/tháng). Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn L và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn - anh L có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn – chị Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 09/8/2023, bị đơn - anh Vũ Văn L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tống đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới anh L. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh L vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Vũ Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã Xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vì vậy đã phát sinh cãi vã, va chạm, hiện tại anh chị đã sống ly thân. Chị Th làm đơn ly hôn anh L, anh L không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập hợp lệ thể hiện sự bỏ mặc của anh L đối với cuộc hôn nhân này. Đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh L.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 25/10/2012 và cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 11/6/2015. Ly hôn, chị Th xin được trực tiếp nuôi cả hai con. Anh L không trình bày quan điểm của mình về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi chị Th và anh L sống ly thân, cả hai cháu đều ở với mẹ. Bản thân anh L là thợ xây, đi làm từ sáng đến tối, không có thời gian chăm sóc con; anh L lại ở một mình, bố mẹ già yếu, ốm đau bệnh tật, không có người đỡ đần, chăm sóc con. Các cháu Vũ Trọng Kh và Vũ Thị Khánh L đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người lớn, đặc biệt là cháu Kh bị bại não, cần người trực tiếp chăm sóc nhiều thời gian. Vì vậy, cần phải giao cả hai cháu Vũ Trọng Kh và Vũ Thị Khánh L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th. Mức cấp dưỡng chị Th yêu cầu là 1.500.000đ/01 cháu/tháng là hoàn toàn phù hợp với mức thu nhập thực tế của anh L và mức sống tại địa phương nên cần chấp nhận. Về thời gian cấp dưỡng: Do cháu Vũ Trọng Kh bị bại não, nằm một chỗ nên thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, khỏi bệnh và có thể tự lập được; Đối với cháu Vũ Thị Khánh L bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Loan đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Th phải chịu phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn L.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Vũ Trọng Kh, sinh ngày 25/10/2012 và Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 11/6/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Trọng Kh là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi, khỏi bệnh bại não, có thể tự lập được. Anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Thị Khánh L là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Loan đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Th.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: AA/2021/0011490 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ án phí. Anh L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã X;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Vân